



Số: 320/QĐ-PGDĐT

Điện Biên, ngày 9 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các chế độ chính sách năm 2024 (Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTBLDXH-BTC ngày 13/12/2013, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020, Nghị định 57/NĐ-CP ngày 09/5/2017, Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ)

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên;

Căn cứ các Quyết định phê duyệt các chế độ chính sách năm 2024: Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTBLDXH-BTC ngày 13/12/2013, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020; Nghị định 57/NĐ-CP ngày 09/5/2017, Nghị định 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán Phòng GD&ĐT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các chế độ chính sách năm 2024 (Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTBLDXH-BTC ngày 13/12/2013, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020, Nghị định 57/NĐ-CP ngày 09/5/2017, Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ) cụ thể như sau:

Giao bổ sung dự toán số tiền: 736.264.750 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

(Cò biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nguồn kinh phí được giao, Hiệu trưởng các trường cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí được giao theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Bộ phận kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng TC - KH;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- Lưu VT;



TRƯỞNG PHÒNG

Ông Quang Huy

Phụ lục số 01

**GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024 CÁC CHẾ ĐỘ
HỌC SINH - NGUỒN 12**

(Kèm theo QĐ số: 320 /QĐ-PGD&ĐT, Ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Phòng
GD&ĐT huyện Điện Biên)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng số
Tổng số:	736.264.750
A. Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	
Trong đó:	
B. Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên	736.264.750
Trong đó:	
- Nghị định 81/2021: Hỗ trợ chi phí học tập	74.550.000
- Nghị định 81/2021: Cấp bù học phí	144.286.500
- Nghị định 116/2016	208.042.250
- Nghị định 105/2020 (hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mầm non, Hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường tiếng Việt, hỗ trợ cấp dưỡng)	83.280.000
- Thông tư 42/2013: Hỗ trợ học sinh khuyết tật	147.188.000
- Nghị định 57/2017: Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người	78.918.000
Trong đó :	
1. Sự nghiệp Giáo dục Mầm non (Loại 070 – K 071)	289.877.500
1.1 Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	
Trong đó:	
1.2 Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên	289.877.500
Trong đó:	
- Nghị định 81/2021: Hỗ trợ chi phí học tập	28.650.000
- Nghị định 81/2021: Cấp bù học phí	143.351.500
- Nghị định 116/2016	
- Nghị định 105/2020 (hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mầm non, Hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường tiếng Việt, hỗ trợ cấp dưỡng)	83.280.000
- Thông tư 42/2013: Hỗ trợ học sinh khuyết tật	7.488.000
- Nghị định 57/2017: Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người	27.108.000
2. Sự nghiệp Giáo dục Tiểu học (Loại 070 – K 072)	127.018.000
1.1 Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	
Trong đó:	

1.2 Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên	127.018.000
<i>Trong đó:</i>	
- Nghị định 81/2021: Hỗ trợ chi phí học tập	27.150.000
- Nghị định 81/2021: Cấp bù học phí	
- Nghị định 116/2016	
- Nghị định 105/2020 (hỗ trợ ưu tiên cho trẻ mầm non, Hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường tiếng Việt, hỗ trợ cấp dưỡng)	
- Thông tư 42/2013: Hỗ trợ học sinh khuyết tật	88.348.000
- Nghị định 57/2017: Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người	11.520.000
3. Sự nghiệp Giáo dục Trung học cơ sở (Loại 070-K073)	319.369.250
1.1 Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	
<i>Trong đó:</i>	
1.2 Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên	319.369.250
<i>Trong đó:</i>	
- Nghị định 81/2021: Hỗ trợ chi phí học tập	18.750.000
- Nghị định 81/2021: Cấp bù học phí	935.000
- Nghị định 116/2016	208.042.250
- Nghị định 105/2020 (hỗ trợ ưu tiên cho trẻ mầm non, Hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường tiếng Việt, hỗ trợ cấp dưỡng)	
- Thông tư 42/2013: Hỗ trợ học sinh khuyết tật	51.352.000
- Nghị định 57/2017: Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người	40.290.000

ST 002

PHỤ LỤC 02
TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024 CÁC CHẾ ĐỘ HỌC
SINH - NGUỒN 12

(Kèm theo Quyết định số 320/QĐ-PGDĐT ngày 09/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên)

Số TT	Tên trường	Mã DVQHNS	Giao bổ sung dự toán - nguồn 12	Ghi chú
	Tổng cộng		736.264.750	
	Cấp mầm non 070-071		289.877.500	
1	Mầm non xã Thanh Lương	1096016	13.542.000	
2	Mầm non xã Thanh Chân	1096017	13.218.000	
3	Mầm non xã Thanh Hưng	1096018	21.182.500	
4	Mầm non xã Thanh Yên	1096019	7.579.500	
5	Mầm non số 2 xã Thanh Yên	1096021	3.210.000	
6	MN Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt	1096026	14.615.000	
7	Mầm non xã Noong Hẹt	1096025	7.982.500	
8	Mầm non xã Noong Lương	1096022	5.612.000	
9	Mầm non xã Mường Lói	1096036	3.307.500	
10	Mầm non xã Mường Nhà	1096035	5.583.000	
11	Mầm non xã Pa Thơm	1096033	19.548.000	
12	Mầm non xã Hẹ Muông	1105672	16.364.500	
13	Mầm non xã Núa Ngam	1096032	2.765.500	
14	Mầm non xã Mường Pồn	1096031	7.488.000	
15	Mầm non xã Thanh Nua	1096014	11.094.000	
16	Mầm non xã Na Ủ	1096034	5.380.000	
17	Mầm non xã Sam Mìn	1099344	10.308.000	
18	Mầm non xã Thanh Xương	1096023	28.476.000	
19	Mầm non xã Thanh An	1096024	8.982.000	
20	Mầm non xã Pom Lót	1096027	12.253.500	
21	Mầm non số 2 xã Na Tông	1115198	25.505.000	
22	Mầm non Pù Lau xã Mường Nhà	1115256	1.821.000	
23	Mầm non xã Pù Lương	1115261	44.060.000	
	Cấp tiểu học 070-072		127.018.000	
1	Tiểu học xã Thanh An	1095986	728.000	
2	Tiểu học xã Pom Lót	1095980	2.184.000	
3	Tiểu học số 2 xã Thanh Xương	1095995	10.296.000	
4	Tiểu học số 1 xã Thanh Xương	1095987	4.200.000	



Số TT	Tên trường	Mã DVQHNS	Giao bổ sung dự toán - nguồn 12	Ghi chú
5	Tiểu học xã Thanh Lương	1096001	750.000	
6	Tiểu học xã Thanh Hưng	1096006	25.112.000	
7	Tiểu học xã Thanh Chân	1096005	23.912.000	
8	Tiểu học xã Thanh Nưa	1095974	1.296.000	
9	Tiểu học số 2 xã Mường Pồn	1099345	9.072.000	
10	Trường PTDTBT TH xã Mường Pồn	1095990	4.884.000	
11	PTDTBT TH số 2 xã Na Tông	1096009	728.000	
12	PTDTBT TH xã Mường Nhà	1095988	25.192.000	
13	PTDTBT tiểu học số 1 xã Na Tông	1095989	3.744.000	
14	TH Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt	1095982	728.000	
15	Tiểu học xã Noong Lương	1096004	3.792.000	
16	Tiểu học xã Thanh Yên	1095998	2.184.000	
17	Tiểu học Yên Cang xã Sam Múm	1095983	728.000	
18	PTDTBT tiểu học xã Mường Lói	1095979	7.488.000	
	Cấp THCS 070-073		319.369.250	
1	THCS xã Thanh Chân	1095947	2.184.000	
2	THCS xã Noong Lương	1095950	7.488.000	
3	THCS xã Thanh Hưng	1095948	900.000	
4	THCS xã Nửa Ngam	1095958	10.777.000	
5	THCS xã Na Ủ	1095960	7.258.000	
6	PTDTBT THCS xã Phú Lương	1095962	64.293.250	
7	TH&THCS xã Sam Múm	1096008	13.832.000	
8	PTDTBT THCS xã Mường Nhà	1095961	145.493.000	
9	THCS xã Mường Pồn	1095957	7.488.000	
10	THCS xã Pa Thơm	1095959	29.936.000	
11	THCS xã Póm Lót	1095954	550.000	
12	THCS xã Noong Hẹt	1095953	27.370.000	
13	THCS xã Thanh Xương	1095951	1.800.000	

